

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thúc

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-ST ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L

Địa chỉ: 69/23 Nguyễn Đ, TDP N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình B.

Địa chỉ: 865A H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L.

Địa chỉ: 62 Â, TDP H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 23/3/2018 (07/02/2018 AL) Bà L cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ ngày 22/4/2018 (07/3/2018 AL), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng

với nhau theo quy định của pháp luật, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và không thể chấp tài sản gì. Số tiền cho vay này không liên quan đến chồng của bà L. Quá trình thực hiện đến nay vợ chồng ông H, bà L không trả cho bà L được đồng nào. Trong đơn khởi kiện bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà L trả số tiền 203.250.000 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 150.000.000 đồng, nợ tiền lãi 53.250.000 đồng (Lãi suất tính 20%/năm, tính từ ngày 23/3/2018 đến ngày 26/12/2019) và từ ngày 27/12/2019 tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả xong số nợ gốc). Tại phiên tòa ông B yêu cầu vợ chồng ông H, bà L trả số tiền 184.068.000đ (Một trăm tám mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 34.068.000 đồng (Lãi suất tính 10%/năm, tính từ ngày 22/4/2018 đến ngày 31/7/2020 là 02 năm 03 tháng 09 ngày).

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Học, bà Linh nhưng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L được.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2020 ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào ngày 7/2/2018 vợ chồng ông có vay của bà Lan số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ ngày 07/3/2018, khi vay có viết giấy vay tiền và có thoả thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Sau khi vay ông H đã trả được một số tiền lãi nhưng không có giấy tờ chứng minh, nay bà Lan yêu cầu vợ chồng ông phải trả nợ gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì vợ chồng ông đồng ý, lãi suất xin không trả.

Tại bản kết luận giám định số 101/PC09, ngày 30/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị Ly L, trong các tài liệu cần giám định so với các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L phải trả cho bà L số tiền 184.068.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ

tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 34.068.000 đồng (Lãi suất tính 10%/năm, tính từ ngày 22/4/2018 đến ngày 31/7/2020 là 02 năm 03 tháng 09 ngày).

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Vào ngày 23/3/2018 (07/02/2018 AL), bà L cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ ngày 22/4/2018 (07/3/2018 AL), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau theo quy định của pháp luật, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận số nợ trên của ông H, bà L. Vì vậy ông H, bà L phải chịu trách nhiệm về khoản nợ theo giấy vay tiền đã ký với bà L.

Ông H, bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với bà L. Nay bà L yêu cầu ông H, bà L phải trả cho bà số tiền 184.068.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), nợ tiền lãi 34.068.000 đồng (Lãi suất tính 10%/năm, tính từ ngày 22/4/2018 đến ngày 31/7/2020 là 02 năm 03 tháng 09 ngày). Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với giấy vay tiền, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các Điều 463; 466; 468 BLDS và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

Xét lời khai của ông Nguyễn Văn H về việc đã trả một số tiền lãi cho bà L nhưng ngoài lời khai ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và bà L cũng không thừa nhận nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST.

Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H, bà L phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn bà L 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định sau khi đã thu được của ông H, bà L.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ Luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L tổng số tiền: 184.068.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 34.068.000đ (Ba mươi tư triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (Lãi suất tính 10%/năm, tính từ ngày 22/4/2018 đến ngày 31/7/2020 là 02 năm 03 tháng 09 ngày).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ly L phải chịu 9.203.000đ (Chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị L 5.081.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004759, ngày 14/01/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Về chi phí giám định: Bị đơn ông H, bà L phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn bà L 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định sau khi đã thu được của ông H, bà L.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ

